

Name: .....

Listening: .....

Class: S2...

Ngày làm bài: Thứ....., ngày...../.....



SEASON & WEATHER - GRAMMAR & STARTERS LISTENING

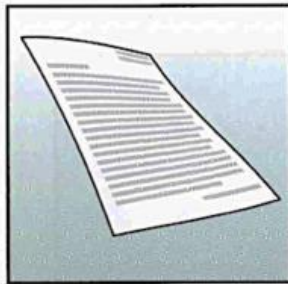
CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-1-part-3>

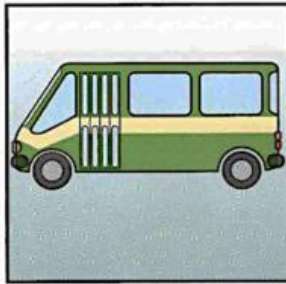
**Part 3**  
– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

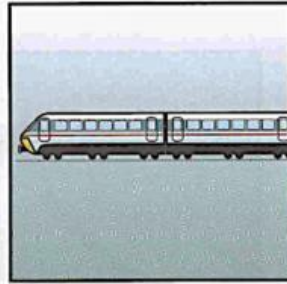
What's Bill doing?



A ☐



B ☒



C ☐

1 What's Tom playing?



A ☐



B ☐



C ☐

2 What's Nick doing?



A ☐



B ☐



C ☐

3 What's Ben doing?



A ☐

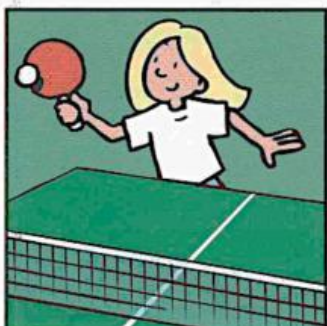


B ☐



C ☐

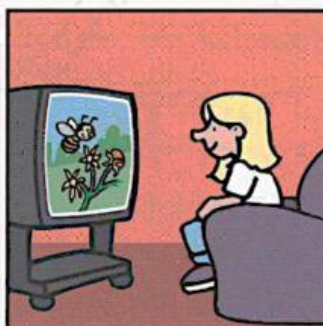
4 What's Kim doing?



A ☐

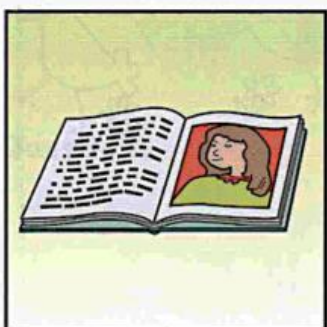


B ☐



C ☐

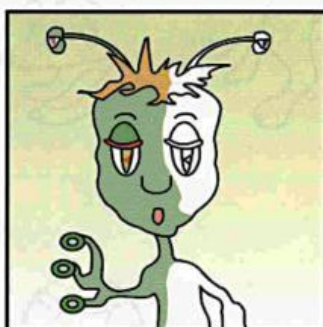
5 What's Ann painting?



A ☐



B ☐



C ☐



Name: .....

Grammar: .....

Class: S2...

Listening: .....

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Mini test: .....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



## SEASON & WEATHER - GRAMMAR & STARTERS LISTENING





### A. GRAMMAR: Present simple (Hiện tại đơn)

❖ Present simple: Positive, negative, short question (Khẳng định, phủ định và câu hỏi ngắn ở hiện tại đơn)

	Công thức	Ví dụ
<b>Positive</b> (khẳng định)	I/You/We/They + V. He/She/It + Vs/es.	- I sing. - He sings.
<b>Negative</b> (phủ định)	I/You/We/They + don't + V. He/She/It + doesn't + V.	- I don't sing. - She doesn't sing.
<b>Yes/No question</b> (câu hỏi Yes/No)	Do + I/you/we/they + V? → Yes, I/you/we/they do. → No, I/you/we/they don't. Does + he/she/it + V? → Yes, he/she/it does. → No, he/she/it doesn't.	- Do you sing? → Yes, I do. → No, I don't. - Does she sing? → Yes, she does. → No, she doesn't.

❖ Present simple: Use question words to ask basic questions (Dùng từ để hỏi ở hiện tại đơn)

Một số từ để hỏi (Wh-words): **What** (hỏi vật), **How** (hỏi cách thức), **Where** (hỏi địa điểm)

<b>Động từ am, is, are</b>	 <b>- Where is the cat?</b> ⇒ It is under the table.	 <b>- What are they?</b> ⇒ They are lions.
<b>Động từ thường</b> (trường hợp có do / does)	 <b>- How do they get there?</b> ⇒ They get there by a car.	 <b>- Where does he work?</b> ⇒ He works at the office.

\* **Note:** V: động từ nguyên thể, don't = do not, doesn't = does not.

❖ Quy tắc sử dụng s/es

- Với các danh từ và động từ có tận cùng là **o, ch, s, x, sh, z** thì sẽ thêm đuôi es.

VD: do → does, watch → watches, go → goes, box → boxes, kiss → kisses, rich → riches.

- Một mẹo nhỏ để dễ ghi nhớ hơn, có thể áp dụng câu thần chú: "**O Chanh Sợ Xấu Sợ Zà**".

### B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>Coke</b> (n)	nước ngọt có ga	3	<b>prepare</b> (v)	chuẩn bị
2	<b>yoghurt</b> (n)	sữa chua	4	<b>garlic soup</b> (n)	súp tỏi

\***Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 DÒNG vào vở ghi.

### C. HOMEWORK

Exercise 1. Con hãy điền DO hoặc DOES vào chỗ trống.

0. Do you like salad?

1. \_\_\_\_\_ Paul like peas?

2. \_\_\_\_\_ they eat bananas?

3. \_\_\_\_\_ Charles drink juice?

4. \_\_\_\_\_ your cat drink milk?

5. \_\_\_\_\_ Sally like cheese?

Exercise 2. Con hãy khoanh vào đáp án đúng.

0. I eat / ~~eats~~ vegetables every day.

1. You rarely **drink** / ~~drinks~~ Coke.

2. Pamela **like** / ~~likes~~ strawberries.

3. Richard and Paul **don't buy** / ~~don't buys~~ watermelon.

4. Peter **eat** / ~~eats~~ chicken.

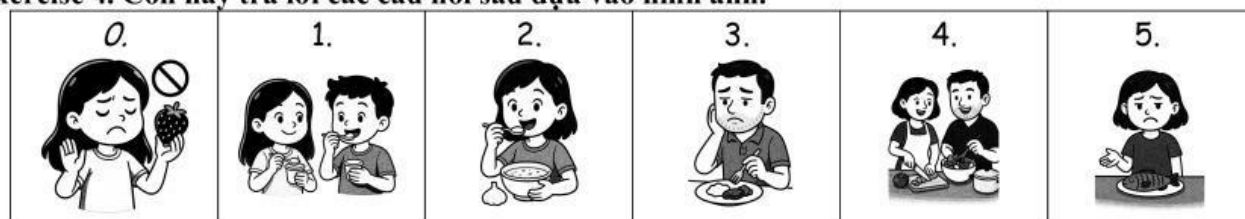
5. Susan **don't have** / ~~doesn't have~~ breakfast.

Exercise 3. Con hãy nối câu hỏi với câu trả lời phù hợp.

0. <i>Where is the cat?</i>	A. I have a pencil and a ruler.
1. What do you have in your school bag?	B. He works at a bank.
2. How do you go to school?	C. She eats rice and vegetables.
3. Where do you live?	D. I go by bike.
4. What does she eat for lunch?	E. <i>It's under the table.</i>
5. Where does your dad work?	F. I live in Hanoi.

0. E	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----

Exercise 4. Con hãy trả lời các câu hỏi sau dựa vào hình ảnh.



0. <i>Does Rita like strawberries?</i>	→ <i>No, she doesn't.</i>
1. Do they eat yoghurt?	→ _____
2. Does Susie like garlic soup?	→ _____
3. Does your father like the food?	→ _____
4. Do your parents prepare meals?	→ _____
5. Does Sophie like fish?	→ _____



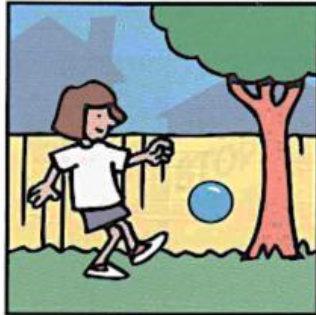
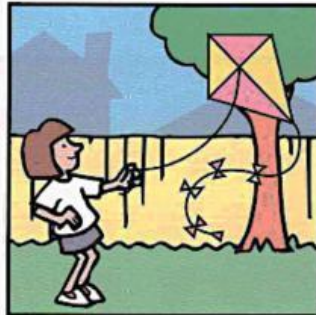
## \*\*\* CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE \*\*\*

Con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-2-part-3>**Part 3**

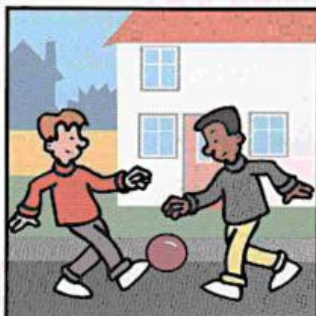
– 5 questions –

**Listen and tick (✓) the box. There is one example.**

What's Sue playing with?

A ☐B ☒C ☐

1 What's Tom doing?

A ☐B ☐C ☐

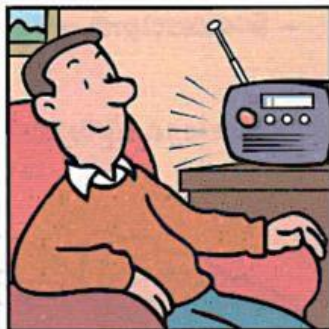
2 Where's Mummy?

A ☐B ☐C ☐

3 What's Daddy doing?



A ☐

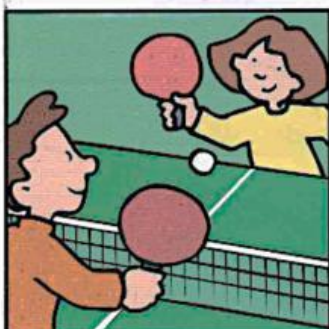


B ☐



C ☐

4 What game are Sam and Pat playing?



A ☐

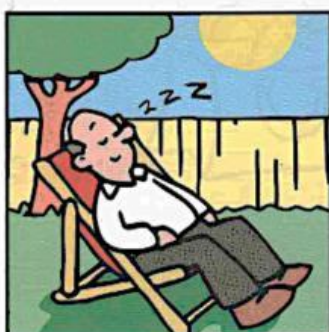


B ☐



C ☐

5 What's Grandfather doing?



A ☐



B ☐



C ☐